

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC**  
**Chuyên ngành Giáo dục học**

**Mã số:** 60 14 01 01.

**Đơn vị đào tạo:** Trường Đại học Sư phạm.

**Năm bắt đầu đào tạo:** 2001.

**Thời gian tuyển sinh:** Tháng 2 và Tháng 8 hàng năm.

**Môn thi tuyển:**

Môn thi Cơ bản: Triết học;

Môn thi Cơ sở: Tâm lý đại cương;

Môn Ngoại ngữ: Trình độ B Ngoại ngữ.

**Thời gian đào tạo:** 1.5 - 2 năm.

**Số tín chỉ tích lũy:** 53 tín chỉ.

**Tên Văn bằng:** Thạc sĩ Khoa học giáo dục.

**I. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**A. KHỐI KIẾN THỨC CHUNG (8 TÍN CHỈ)**

**SỐ TÍN CHỈ**

PHI	651	Triết học	3
ENG	651	Ngoại ngữ	5

**B. KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ (21 TÍN CHỈ)**

**1. Các học phần bắt buộc (13 tín chỉ)**

SMR	621	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2
TPE	621	Tâm lý học dạy học đại học	3
MTT	621	Lý luận dạy học hiện đại	2
CDM	631	Xây dựng, phát triển và quản lý chương trình đào tạo	3
TEM	631	Kiểm định và đánh giá chất lượng giáo dục	3

**2. Các học phần tự chọn (8 tín chỉ)**

COP	621	Giáo dục học so sánh	2
EDS	621	Xã hội học giáo dục	2
PED	621	Kế hoạch hóa phát triển giáo dục	2
CES	621	Giáo dục hướng nghiệp	2
EDT	621	Xu thế phát triển giáo dục	2
ECP	621	Triết lý giáo dục	2
ECP	621	Kinh tế học giáo dục	2
EMD	621	Môi trường giáo dục và phát triển môi trường giáo dục.	2

## C. KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH (12 TÍN CHỈ)

### 1. Các học phần bắt buộc (8 tín chỉ)

ETS	621	Chiến lược phát triển giáo dục	2
THT	631	Lý luận dạy học đại học	3
EAO	631	Tổ chức hoạt động giáo dục	3

### 2. Các học phần tự chọn (4 tín chỉ)

LSE	621	Giáo dục kỹ năng sống	2
TCS	622	Xây dựng văn hoá nhà trường	2
PES	621	Giáo dục dân số và giới tính	2
EDF	621	Dự báo giáo dục	2

## D. LUẬN VĂN THẠC SĨ (12 TÍN CHỈ)

## II. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN

### A. KHỐI KIẾN THỨC CHUNG (8 TÍN CHỈ)

#### **PHI 651 (3 tín chỉ) - Triết học**

Học phần kế thừa những kiến thức đã học trong chương trình đào tạo Triết học ở bậc đại học, phát triển và nâng cao những nội dung cơ bản gắn liền với những thành tựu của khoa học - công nghệ, những vấn đề mới của thời đại và đất nước. Học viên được học các chuyên đề chuyên sâu; kiến thức về nhân sinh quan, thế giới quan duy vật biện chứng; những kiến thức cơ bản, có hệ thống về lịch sử hình thành, phát triển của triết học nói chung và các trường phái triết học nói riêng. Trên cơ sở đó giúp cho học viên có khả năng vận dụng kiến thức Triết học để giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp.

#### **ENG 651 (5 tín chỉ) - Ngoại ngữ**

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức ngoại ngữ chuyên sâu về lĩnh vực chuyên môn, giúp cho học viên có thể đọc, dịch tài liệu phục vụ cho việc học tập các môn học chuyên ngành, nghiên cứu khoa học và hoàn thành luận văn thạc sĩ.

### B. KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ (21 TÍN CHỈ)

#### 1. Các học phần bắt buộc (13 tín chỉ)

#### **SMR 621 (2 tín chỉ) - Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục**

Học phần tập trung nghiên cứu hệ thống tri thức về phương pháp khoa học và phương pháp luận trong nghiên cứu Khoa học giáo dục, cách thức tổ chức các hoạt động nghiên cứu Khoa học giáo dục, cách tiến hành một công trình nghiên cứu khoa học. Giúp cho học viên có thể nghiên cứu các học phần khác tốt hơn hoặc trở thành chuyên gia nghiên cứu khoa học giáo dục.

#### **TPE 621 (3 tín chỉ) - Tâm lý học dạy học đại học**

Học viên được trang bị hệ thống tri thức cơ bản về tâm lý học dạy học; hệ thống tri thức cơ bản, hiện đại về các lý thuyết tâm lý dạy học; Phát triển ở học viên tư duy tâm lý-triết học về giáo dục.

#### **MTT 621 (2 tín chỉ) - Lý luận dạy học hiện đại**

Học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề chung về lý luận dạy học, các lý thuyết về dạy học hiện đại, lý luận về chương trình đào tạo và hệ thống các phương pháp, biện pháp và kỹ thuật dạy học hiện đại.

### **CDM 631 (3 tín chỉ) - Xây dựng, phát triển và quản lý chương trình đào tạo**

Học phần nghiên cứu những nội dung cơ bản về lý luận cũng như những khía cạnh thực tiễn của việc xây dựng và phát triển các chương trình giáo dục và đào tạo; Các cách tiếp cận về xây dựng và phát triển chương trình đào tạo, các vấn đề về phát triển chương trình đào tạo, quy trình thiết kế và xây dựng chương trình đào tạo, thực tiễn vấn đề về xây dựng và phát triển chương trình đào tạo.

### **TEM 631 (3 tín chỉ) - Kiểm định và đánh giá chất lượng giáo dục**

Học phần nghiên cứu các vấn đề cơ bản về kiểm định và đánh giá chất lượng giáo dục đào tạo, mục đích, ý nghĩa của hoạt động này trong thực tiễn giáo dục; Phạm vi đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục, các quan điểm tiếp cận đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục trên thế giới, các phương thức đánh giá chất lượng giáo dục đào tạo và trách nhiệm của cơ sở giáo dục trong đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục.

## **2. Các học phần tự chọn (8 tín chỉ)**

### **COP 621 (2 tín chỉ) - Giáo dục học so sánh**

Học phần tập trung nghiên cứu các vấn đề về quá trình hình thành và phát triển của giáo dục học so sánh; đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu giáo dục học so sánh và nền giáo dục của một số nước phát triển, trên cơ sở đó rút ra những bài học kinh nghiệm trong phát triển giáo dục Việt Nam.

### **EDS 621 (2 tín chỉ) - Xã hội học giáo dục**

Học phần tập trung nghiên cứu đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của xã hội học; Các chức năng xã hội của giáo dục, những vấn đề xã hội học và hệ thống giáo dục quốc dân; Những điều kiện xã hội của hoạt động giáo dục.

### **PED 621 (2 tín chỉ) - Kế hoạch hóa phát triển giáo dục**

Học phần cung cấp những vấn đề cơ bản về kế hoạch và lập kế hoạch, vai trò của lập kế hoạch trong quá trình phát triển trên cơ sở đó đi sâu nghiên cứu và thực hành lập kế hoạch với các loại kế hoạch giáo dục như: Chính sách giáo dục; Chiến lược phát triển giáo dục; Quy hoạch phát triển giáo dục; Kế hoạch tác nghiệp tại cơ sở giáo dục.

### **CES 621 (2 tín chỉ) - Giáo dục hướng nghiệp**

Học phần nhằm trang bị cho người học hệ thống tri thức về giáo dục hướng nghiệp, các vấn đề về tổ chức hoạt động giáo dục hướng nghiệp trong các nhà trường.

### **EDT 621 (2 tín chỉ) - Xu thế phát triển giáo dục**

Học phần tập trung nghiên cứu các vấn đề về xu thế phát triển giáo dục trên thế giới hiện nay. Nghiên cứu thực trạng của giáo dục Việt Nam và xu thế phát triển của giáo dục Việt Nam.

### **ECP 621 (2 tín chỉ) - Triết lý giáo dục**

Học phần giúp học viên tiếp cận với những tư tưởng, những quan điểm giáo dục lớn trên thế giới, hiểu rõ về vai trò của hệ thống những quan điểm giáo dục đó đối với sự phát triển của xã hội trong từng thời đại. Nghiên cứu học phần này giúp học viên có các cách tiếp cận khác nhau khi nghiên cứu các môn học khác hoặc các vấn đề giáo dục đặt ra.

### **ECP 621 (2 tín chỉ) - Kinh tế học giáo dục**

Học phần giúp cho học viên hiểu về kinh tế học và kinh tế học giáo dục, mối quan hệ giữa kinh tế và giáo dục trong kinh tế học giáo dục. Giúp cho học viên có thể thấy rõ vị trí của khoa học giáo dục trong xã hội phát triển và ảnh hưởng nó tới xã hội và vấn đề hiệu quả kinh tế của giáo dục.

### **EMD 621 (2 tín chỉ) - Môi trường giáo dục và phát triển môi trường giáo dục**

Học phần cung cấp những kiến thức về môi trường giáo dục đồng thời bồi dưỡng năng lực và phẩm chất của người giáo viên trong lĩnh vực xây dựng bảo vệ môi trường sư phạm và thực hành giáo dục phát triển môi trường giáo dục cho người học trong các nhà trường.

## **C. KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH (12 TÍN CHỈ)**

### **1. Các học phần bắt buộc (8 tín chỉ)**

#### **ETS 621 (2 tín chỉ) - Chiến lược phát triển giáo dục**

Học phần tập trung nghiên cứu cơ sở lý luận và cơ sở pháp lý của việc xây dựng chiến lược phát triển giáo dục trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa; Nghiên cứu các mục tiêu, quan điểm chỉ đạo phát triển giáo dục.

#### **THT 631 (3 tín chỉ) - Lý luận dạy học đại học**

Học phần trang bị cho học viên hệ thống tri thức về lý luận dạy học đại học, bao gồm các vấn đề cơ bản về quá trình dạy học, nguyên tắc, nội dung và phương pháp dạy học đại học, giúp người học có thể nghiên cứu và giảng dạy tốt ở đại học và cao đẳng.

#### **EAO 631 (3 tín chỉ) - Tổ chức hoạt động giáo dục**

Học phần giới thiệu với người học những hệ thống tri thức lý luận về quá trình giáo dục và tổ chức hoạt động giáo dục, giúp người học hoàn thiện năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục trong các nhà trường và có thể làm chuyên gia tư vấn các hoạt động giáo dục.

### **2. Các học phần tự chọn (4 tín chỉ)**

#### **LSE 621 (2 tín chỉ) - Giáo dục kỹ năng sống**

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức về những vấn đề cơ bản về giáo dục kỹ năng sống; vai trò, ý nghĩa của giáo dục kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên nói chung và cho học sinh phổ thông nói riêng; nội dung, các nguyên tắc, phương pháp và con đường giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.

#### **TCS 622 (2 tín chỉ) - Xây dựng văn hoá nhà trường**

Học phần cung cấp cho học viên những tri thức cơ bản về văn hóa nhà trường và tầm quan trọng của việc xây dựng văn hóa nhà trường; vai trò của người lãnh đạo, người quản lý, giáo viên trong việc xây dựng văn hóa nhà trường.

#### **PES 621 (2 tín chỉ) - Giáo dục dân số và giới tính**

Học phần nghiên cứu mối quan hệ giữa dân số với các chỉ số cơ bản của chất lượng cuộc sống; Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về giới, giới tính và môi trường, những vấn đề cơ bản của giáo dục giới tính và giáo dục môi trường cho người học trong các nhà trường.

#### **EDF621 (2 tín chỉ) - Dự báo giáo dục**

Trên cơ sở khái quát về khoa học dự báo, học phần đi sâu nghiên cứu các loại dự báo phát triển giáo dục và phương pháp thực hiện các loại dự báo này. Để nghiên cứu tốt học phần này đòi hỏi người học phải đã được nghiên cứu các học phần: Giáo dục học; Khoa học quản lý và quản lý giáo dục đại cương, chiến lược phát triển giáo dục, xu thế phát triển giáo dục.

## **D. LUẬN VĂN THẠC SĨ (12 TÍN CHỈ)**

Luận văn thạc sĩ là một đề tài khoa học thuộc lĩnh vực chuyên môn do đơn vị đào tạo giao hoặc do học viên tự đề xuất, được người hướng dẫn đồng ý và Hội đồng khoa học đào tạo chuyên ngành chấp thuận. Học viên được phép bảo vệ luận văn thạc sĩ sau khi hoàn thành các học phần thuộc khối kiến thức chung, khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành.